TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST- KDTM	*Giồng Trôm, ngày 01 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 143/2024/TLST–DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc: "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty H.**

Địa chỉ: số 144 khu phố Nguyễn Trãi, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Việt Hoàng –Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh (HDBank).

Trụ sở: 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quốc Thanh – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo Hân – Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Nguyễn Bảo Hân:

Ông Quách Văn Hảo – Chức vụ: Trưởng xử lý nợ khu vực Tây Nam Bộ.

Địa chỉ: 69 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Hoặc: Bà Trần Thị Hồng Huyền – Trưởng bộ phận quan hệ khách hàng doanh nghiệp.

Địa chỉ: 72B1 Đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: **Công ty TNHH MTV C.**

Địa chỉ: 123 khu phố 3, thị trấn T, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Cẩm S – Chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị Cẩm G**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 443 An Dương Vương, Phường A, Quận B, Thành phố H.

- Bà **Ngô Thị Cẩm S**, sinh năm 1958.

- Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: 82A3, khu phố 2, phường T, TP A, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH MTV C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H toàn bộ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết (Hợp đồng tín dụng số 12222/22MN/HĐTD ngày 07/4/2022 (khế ước từ 37 – 79); Hợp đồng tín dụng số 8747/20MN/HĐTD (khế ước nhận nợ 01); Hợp đồng tín dụng số 48006/21MN/HĐTD (khế ước nhận nợ 01)) tạm tính đến ngày 22/02/2024 với tổng số tiền là 90.493.503.271 (chín mươi tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu năm trăm lẻ ba nghìn hai trăm bảy mươi mốt) đồng. Trong đó: nợ gốc: 79.339.586.259 đồng; Lãi trong hạn: 2.361.799.252 đồng; Lãi quá hạn: 8.792.117.760, tổng lãi: 11.153.917.012 đồng.

2.2. Buộc Công ty TNHH MTV C phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với HDBank từ ngày 23/02/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.3. Trường hợp Công ty TNHH MTV C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty H thì Công ty được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp: hợp đồng thế chấp số 8043/19MN/HĐBĐ ngày 07/6/2019; hợp đồng thế chấp số 10769/22MN/HĐBĐ ngày 08/4/2022; hợp đồng thế chấp số 19853/20MN/HĐBĐ ngày 09/10/2020; hợp đồng thế chấp số 16146/21MN/HĐBĐ ngày 01/6/2021; hợp đồng thế chấp số 10768/22MN/HĐBĐ ngày 07/4/2022; hợp đồng thế chấp số 17302/21MN/HĐBĐ ngày 05/7/2021; hợp đồng thế chấp số 38250/21MN/HĐBĐ ngày 17/12/2021; hợp đồng thế chấp số 5464/20MN/HĐBĐ ngày 23/3/2020; hợp đồng thế chấp số 29050/21MN/HĐBĐ ngày 14/9/2021 (và các phụ lục kèm theo)

Tài sản thế chấp gồm có:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 453 (diện tích 292,2m^2), tờ bản đồ 30 tọa lạc tại phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH 950759, số vào sổ cấp GCN CS04584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 27/4/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 449 (diện tích 52,7m^2), tờ bản đồ 30 tọa lạc tại phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH 868776, số vào sổ cấp GCN CS04415 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/3/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 45 (diện tích 168,4m^2), tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BO 873693, số vào sổ cấp GCN CH01966 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 09/10/2013.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 72 (diện tích 400m^2), tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số DH 884235, số vào sổ cấp GCN CS11794 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/11/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 73 (diện tích 685,2m^2), cùng tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số DH 884236, số vào sổ cấp GCN CS11795 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/11/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 316 (diện tích 3742,7m^2), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CI 979108, số vào sổ cấp GCN CS11570 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/7/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa Thửa đất số 152 + 167 (diện tích 2599m^2), tờ bản đồ số 15-2 tọa lạc tại xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cấp cho Hộ Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Cẩm S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số P 556852, số vào sổ cấp GCN 357 QSDĐ/858/QĐUB do UBND thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) cấp ngày 01/8/2000.

- Xe ô tô nhãn hiệu Audi (số loại: A7 SportBack 3.0 TSFI Qua tro) đã qua sử dụng; BKS: 71A – 030.55; tên chủ xe: Công ty TNHH MTV C. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007450 do Phòng CSGT tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/5/2017.

- Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai (số loại: Mighty HD65/DT-TBNH) đã qua sử dụng; BKS: 71C – 044.86; tên chủ xe: Công ty TNHH MTV C. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007430 do Phòng CSGT tỉnh Bến Tre cấp ngày 24/5/2017.

- Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner V (4X4) CBU, 7 chỗ; BKS: 71A – 086.75; tên chủ xe: Công ty TNHH MTV C. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0006486 do Phòng CSGT tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/6/2022.

- Xe ô tô nhãn hiệu HINO số loại: HINO FC9JNTC (11T); BKS: 71A – 104.40; tên chủ xe: Công ty TNHH MTV C. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003687 do Phòng CSGT tỉnh Bến Tre cấp ngày 15/12/2021.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH MTV C đối với Công ty H. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty TNHH MTV C tại Công ty H thì Công ty TNHH MTV C phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 99.246.751 (chín mươi chín triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi mốt) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

- Công ty H không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 98.002.000 (chín mươi tám triệu không trăm lẻ hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003315 ngày 10/4/2023 (do Ngân hàng Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh nộp) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Đang